



中央職業能力開発協会（JAVADA）

〒160-8327 東京都新宿区西新宿7-5-25 西新宿木村屋ビルディング11階

総務企画部総務課広報係（TEL 03-6758-2832 FAX 03-3365-2716）

2014年10月6日発行（第145号）

## JAVADA、ベトナムでの国家検定試験を拡大

～機械加工から電気系職種にも着手～

- JAVADA は、ベトナム政府と連携し、ハノイで行われる ASEAN 技能大会期間中 10 月 23-24 日に、  
情報配線施工 3 級（初回）  
フライス盤 3 級（2 回目）  
の 2 職種に対する国家技能検定を行います。ベトナムでの電気系職種（情報配線施工）に係る検定は、初めての取組となります。
- これにより、ベトナム政府と連携して進めている日本の技能評価システムでのベトナム国家技能検定は、  
2014 年末までに、  
受験者総数 100 名超  
JAVADA 署名入り検定合格証交付総数 50 通程度  
となる見通しです。
- なお、カンボジア、ミャンマーなどでも技能検定制度を構築中であることから、日本の国家技能検定制度を海外で普及させることを目標に、これらの国々から行政関係者などをベトナムに招いて、前述の日本の技能評価システムでの技能検定を視察してもらいます。

技能評価システム移転事業：<http://www.javada.or.jp/kokusai/sespp/index.html>

お問合せ先： 技能振興部 構、松島 TEL 03 6758-2854

JAVADAの主な業務紹介 <http://www.javada.or.jp/>

- 「ものづくり・技能の継承と発展」
- 「職業能力評価制度・試験の開発と実施」
- 「国際協力の推進」
- 「キャリア形成の支援」
- 「能力開発に役立つ情報の発信」

(参考)

2013年8月 JAVADA、ベトナム政府と国家技能検定に関する覚書を締結

<http://www.javada.or.jp/news/pdf/20138101-news.pdf>

2014年6月 機械加工職種(旋盤3級)での検定試験を北部Hanoiから中部Chu-Laiにも拡大

今後 JAVADA、ベトナム国家技能検定を新たな職種にも展開予定

- ・ 情報配線施工3級 (2014年10月)
- ・ 旋盤2級 (2014年11月)

### ベトナムでの国家技能検定における JAVADA 署名入り検定合格証の交付状況

職種	2012年		2013年	
	受験者数	合格者数	受験者数	合格者数
旋盤3級	12人	4人	18人	13人
フライス盤3級	-		8人	2人

	2014年6月		2014年9月		2014年10月		2014年11月	
	受験者数	合格者数	受験者数	合格者数	受験者数	合格者数	受験者数	合格者数
旋盤3級	20人	結果待ち	17人	結果待ち	-		-	
旋盤2級	-		-		-		(10)	
フライス盤3級	-		-		(9)		-	
情報配線3級	-		-		(10)		-	

カッコ内は、予定人数

(添付資料)

- ・ アジアにおける日本の技能検定制度普及の状況 <URL>
- ・ ベトナム政府との覚書 (国家技能検定関係) <URL>

## アジアにおける日本の技能検定制度普及の状況

平成 26 年 10 月

### 1 背景

アジア各国（ASEAN、北東アジア、南アジア）では、経済が急速に発展している一方で、優秀な技能労働者の確保は、現地政府と進出企業の双方で共通の課題となっている。このため、公正・公平で客観性・信頼性が高い技能評価システムの定着が急務となっている。

### 2 技能評価システム移転促進事業

JAVADA では、2004 年から国の委託事業として、日本の技能検定のしくみをアジア関係国に普及させるための活動を展開している。2014 年度は、ASEAN 6 カ国及びインドを対象に、

- ① 技法研修：技能検定の学科・実技試験作成のためのノウハウ伝授
- ② 技能評価者講習：技能検定の実施に必要な評価者を養成する講習
- ③ 技能評価トライアル：講習を受講した評価者による技能検定等の実施を支援の3つの活動を展開している。

これまでに、タイ、インドネシア等の工業化が進んでいる地域については、現地当局に加え、日本からの進出企業等とも連携を強化してモデル事業を展開してきた。

最近では、日本からの進出企業が少ない国々に対しても、現地の職業訓練校などと連携して、将来の技能検定実施の基盤を整備中である。



### 3 ベトナムにおける国家技能検定の展開

ベトナムにおいては、経済発展が急速に進んだため技能評価制度の整備が遅れていたが、2008 年以降、180 職種を対象に職業能力基準が策定された。現在、労働傷病兵社会省が順次国家検定の実施に着手しており、149 職種で行われた検定試験で

約 2,000 名の合格者を出しているが、旋盤やフライス盤など機械加工のうち基本的な職種が手付かずであることが判明。このため、JAVADA はベトナム政府及び日本企業と連携して、旋盤とフライス盤について技能検定制度の定着に成功。2012 年以降、既に 19 名の合格者を出している。

表 ベトナムにおける対象職種の国家検定合格者数

	2012	2013	計	2014
旋盤	4 (12)	13 (18)	17 (30)	(48)
フライス盤	-	2 (8)	2 (8)	(9)
情報配線施工				(10)

注) カッコ内の数は、受験者数 (2014 年については予定受験者数)。

ベトナム国家検定のうち、旋盤とフライス盤の 2 職種については、ベトナム政府が国家技能検定を実施する傍ら、JAVADA が評価者に対して実地で指導を行うことにより、日本の方式による技能検定を担保することから、ベトナム政府の技能検定合格証には、JAVADA の署名が付記されることとなった。ベトナム政府は、フライス盤の件数増加、旋盤の全国レベルでの展開、新たな職種での取組などを目指しており、JAVADA に強い期待を表明している。

#### 4 今後の技能評価システム普及の見通し

##### (1) ベトナムでの更なる展開

JAVADA とベトナム政府は、2014 年 9 月までにベトナム中部地域の民間訓練機関で旋盤の技能検定を 2 回実施し、計 37 名の受検者について合否の判定を行っているところであり、同地域における評価者の養成と定着を見込むとともに、研修をつうじて南部地域への展開への足がかりをつくる。また、情報配線施工職種についても、10 月にハノイの民間訓練機関で国家技能検定を実施すべく準備中であり、これにより JAVADA とベトナム政府との連携による国家技能検定は 3 職種となる。

ベトナムの取組及び成果を、他の国々に波及させるため、JAVADA は、10 月下旬にハノイで行われる ASEAN 技能大会と時期を合わせ、新規対象 4 カ国の関係者をハノイに招聘して、技能検定における評価者の養成・定着の状況を視察してもらうこととしている (対象は、フライス盤と情報配線施工の 2 職種を予定)。

##### (2) ASEAN 経済統合に向けた動き

2015 年の ASEAN 経済統合に向けた議論は続けられており、人材養成分野については可能なところから進めることとなりそうだが、ASEAN 後発加盟 4 カ国 (カンボジア、ラオス、ミャンマー、ベトナム) のうちで経済発展が著しいベトナムの動向は、他の加盟国にも大きな影響を与えられられる。

## 覚書

### Memorandum of Understanding

#### Biên bản ghi nhớ

中央職業能力開発協会（以下、「甲」という）とベトナム労働傷病兵社会福祉省（以下、「乙」という）は、ベトナム国で実施される技能試験について、以下の事項に合意し、覚書を締結する。

This MOU is agreed and signed between Japan Vocational Ability Development Association (hereinafter referred to as Party A) and Ministry of Labour – Invalids and Social Affairs, in Vietnam, (hereinafter referred to as Party B) regarding the Skill Test implemented in Vietnam, as stipulated below:

Hiệp hội phát triển kỹ năng nghề Nhật Bản (dưới đây gọi là bên A) và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Việt Nam (dưới đây gọi là bên B) cùng thỏa thuận những nội dung dưới đây và kí kết Biên bản ghi nhớ về kì thi kỹ năng nghề được tổ chức tại Việt Nam.

#### 1. 目的

ベトナム国における技能試験が、日本の技能検定制度の普及により、更に発展することを目的として、両者は合意事項を実施する。

#### 1. Objective

Both parties implement agreed matters for the purpose of further development of Skill Test in Vietnam through promoting Japan's National Trade Skills Testing System.

#### 1. Mục đích

Hai bên sẽ thực thi những điều khoản được thỏa thuận với mục đích phát triển hơn nữa các kì thi kỹ năng nghề tại Việt Nam, dựa trên việc phổ cập hệ thống đánh giá kỹ năng nghề của Nhật Bản.

#### 2. 実施内容

#### 2. Contents of Implementation

#### 2. Nội dung thực hiện

(1) 乙は、ベトナム国で実施される技能試験が、日本の技能検定制度に準拠していることを確認してもらうため、甲に対して申請を行う。

(1) Representative of Party B applies for Party A to ensure that a skill test implemented in Vietnam is in conformity with Japan's National Trade Skill Test.

(1) Bên B sẽ tiến hành gửi đề nghị cho bên A để yêu cầu bên A xác nhận kì thi kỹ năng nghề được tổ chức tại Việt Nam có được thực hiện dựa trên những tiêu chuẩn của kì thi đánh giá kỹ năng nghề của Nhật Bản hay không.

(2) 甲は乙の要望に応じ、別に定める合格証書発行要領(以下、「要領」という)の条件に合致すると認められる場合には、要領に基づき、乙が定める試験実施機関に対して文書を発出するとともに技能試験の受検者の合格証書に、付記及びサインをする。

- (2) Representative of Party A, in response to requests from Party B, issue a Confirmation Letter to the implementation authority designated by Party B, and sign and endorse a certificate of Skill Test when Party A recognizes the Skill Test to meet the requirements stipulated in The Guideline of Confirmation Letter and Certificates Endorsed by JAVADA (hereinafter referred to as Guideline).
- (2) Đề đáp ứng đề nghị của bên B, trong trường hợp bên A nhận thấy mọi việc đã phù hợp với các điều khoản được quy định trong “Quy tắc hướng dẫn về việc cấp Giấy chứng nhận thi đỗ” (dưới đây gọi tắt là “Quy tắc hướng dẫn”) thì bên A sẽ bổ sung thêm và kí hậu vào Giấy chứng nhận thi đỗ của thí sinh dự thi kì thi kĩ năng nghề, đồng thời cũng sẽ ban hành Biên bản xác nhận cho đơn vị được bên B chỉ định tổ chức kì thi này dựa theo nội dung của “Quy tắc hướng dẫn”.

### 3. 制限事項

乙は甲の同意無しに、要領で定める文言を合格証書付記することはできない。

### 3. Restriction

Party B could not print a sentence stipulated in the Guideline on certificate without consent of Party A.

### 3. Điều khoản hạn chế

Bên B không được ghi bất kì câu văn nào trong Quy tắc hướng dẫn vào Giấy chứng nhận thi đỗ mà không có sự đồng ý của bên A.

### 4. 確認及び了解事項

乙は以下の事項について確認し、理解すること。

- (1) 発行された合格証書は日本とベトナムの国家技能検定試験の相互認証を意味するものではないこと。
- (2) 発行された合格書は日本での就労を保証するものではないこと。

### 4. Confirmations and Understandings

Party B should confirm and understand following matters.

- (1) Issued certificates do not mean mutual recognition of National Skills Test between Japan and Vietnam.
- (2) Issued certificates do not assure employment in Japan.

### 4. Các điều khoản cần xác nhận và hiểu rõ

Bên B cần xác nhận và hiểu rõ các điều khoản sau.

- (1) Giấy chứng nhận thi đỗ được ban hành không có nghĩa là nó được công nhận chung của kì thi đánh giá kĩ năng nghề giữa 2 nước Nhật Bản và Việt Nam.
- (2) Giấy chứng nhận thi đỗ được ban hành không bảo đảm cho công việc tại Nhật.

### 5. 有効期間

甲及び乙は、本覚書の有効期間について、以下のとおり確認する。

- (1) 本覚書の有効期間は、本覚書の締結日から起算し、満1年間とする。
- (2) 期間満了の1ヶ月前までは甲乙双方から申し出がないときは、本覚書は同一条件で更に

1年間継続するものとし、以後もこの例によるものとする。

#### 5. Term

Party A and Party B here to agree on the term of validity as follows;

(1) This MOU shall remain valid for a period of one year from the date of this agreement..

(2) The terms prescribed in the preceding paragraph shall be extended thereafter on year basis, on the same term and condition unless notice is given by either party to the other one month before the original or renewed expiration date.

#### 5. Thời hạn hiệu lực

Bên A và bên B xác nhận như dưới đây về thời hạn hiệu lực của Biên bản ghi nhớ.

(1) Thời hạn hiệu lực của Biên bản ghi nhớ này được tính bắt đầu từ ngày kí kết Biên bản ghi nhớ này và có hiệu lực trong vòng 1 năm.

(2) Trước khi hết thời hạn hiệu lực 1 tháng, nếu như cả bên A và bên B đều không có thêm bất kì ghi chú nào thì Biên bản ghi nhớ này sẽ được tiếp tục gia hạn thêm 1 năm với các điều khoản không thay đổi, và từ sau này trở đi thời hạn hiệu lực sẽ được tự động thực hiện theo nguyên tắc này.

#### 6. 言語

本覚書は英語で作成され、他の言語に翻訳された本覚書は便宜上のものであり本覚書は両当事者を拘束しない。

#### 6. Language

This MOU shall be made in English language. Any translation version shall be intended for convenience and shall not be binding on both parties.

#### 6. Ngôn ngữ

Biên bản ghi nhớ này được viết bằng tiếng Anh. Biên bản ghi nhớ này có thể được dịch sang những ngôn ngữ khác để thuận tiện dễ hiểu, tuy nhiên sẽ không có giá trị ràng buộc các bên.

#### 7. その他

甲及び乙は、本書に規定のない事項については、互いに協議したうえ決定する。

#### 7. Others

Any matters not stipulated in this MOU shall be determined through mutual consultation between both parties.

#### 7. Điều khoản khác

Liên quan đến các điều khoản khác không được quy định trong biên bản ghi nhớ này sẽ được quyết định sau khi bên A và bên B cùng bàn bạc và thống nhất. Các điều khoản khác không được quy định trong Biên bản ghi nhớ này sẽ do hai bên liên quan thảo luận và thống nhất dựa trên sự tôn trọng và thông cảm giữa các bên.

以上の通り、甲と乙の間に合意が成立した証として、本書を2通作成、甲乙それぞれ署名/捺印のうえ各1通を保有する。

IN WITNESS WHEREOF, Party A and Party B have executed this MOU in duplicate by placing their signatures and seals thereon, and each party shall keep one copy of the

originals.

Để làm chứng các điều trên, Biên bản này sẽ được làm thành 02 bản, bên A và bên B mỗi bên giữ 01 bản sau khi đã kí hoặc đóng dấu.

2 August 2013

Mr. Yutaka AOKI  
President  
Japan Vocational Ability Development  
Association

Mr. Nguyen Ngoc Phi  
Vice Minister  
Ministry of Labour – Invalids and  
Social Affairs